

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUYÊN BÌNH

Mẫu: 05
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025
NGUỒN THU TỪ THỎA THUẬN CHI TRẢ GIẢM THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ
(Kèm theo Tờ trình số 859/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của UBND Xã Tuyên Bình)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=2*3	5
I	Chi cho lực lượng tuần tra bảo vệ rừng				440,000,000	
1	Chi hỗ trợ tiền công tuần tra bảo vệ rừng (Bao gồm tiền ăn, xăng xe) Trung bình: 25 người/ 3 tổ x 4 công /tháng x 12 tháng	Công	1,200	300,000	360,000,000	(Hỗ trợ tiền công quy định tại Điều 3 - QĐ 07/2012/QĐ-TTg) - Ngày công lao động nghề rừng cao nhất ở địa phương
2	Chi hỗ trợ tiền công phát đường băng, thực bì (200 công x 1 đợt/ 1 năm) Chiều rộng: 3-5 m, chiều dài 10.000m)	Công	200	400,000	80,000,000	
II	Mua sắm phương tiện, công cụ, trang thiết bị, xăng, dầu cho tuần tra, kiểm tra rừng				585,700,000	
1	Mua xe máy nhãn hiệu honda phục vụ tuần tra bảo vệ rừng	Chiếc	2	26,000,000	52,000,000	

2	Mua Máy Flay Cam phục vụ công tác bảo vệ rừng	Cái	1	120,000,000	120,000,000	
3	Mua máy định vị	Cái	3	13,000,000	39,000,000	
4	Máy phát điện	Cái	2	45,000,000	90,000,000	
5	Máy thổi	Cái	2	17,000,000	34,000,000	
6	Máy cắt thực bì	Cái	7	3,000,000	21,000,000	
7	Ổng nhôm	Cái	4	10,000,000	40,000,000	
8	Máy quay phim, chụp ảnh	Cái	2	23,000,000	46,000,000	
9	Nhà bạt	Cái	2	10,000,000	20,000,000	
10	Mua áo quần bảo hộ đi rừng	Bộ	60	600,000	36,000,000	
11	Can 20 lít (Can nhựa phục vụ phòng cháy chữa cháy)	Cái	20	80,000	1,600,000	
12	Mua rựa phục vụ tuần tra rừng	Cái	50	150,000	7,500,000	
13	Mua ba lô đi rừng	Cái	60	350,000	21,000,000	
14	Mua áo mưa	Bộ	60	350,000	21,000,000	
15	Mua võng đi tuần tra rừng	Cái	60	350,000	21,000,000	
16	Mua dép rọ đi tuần tra rừng	Đôi	60	100,000	6,000,000	
17	Mua đèn pin đi rừng	Cái	60	160,000	9,600,000	

III	Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia, ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật				30,000,000	Chi theo QĐ 12/2012 nếu có phát sinh
IV	Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm (Dự kiến 694 giờ x bình quân 1 giờ làm thêm 129.683)				90,000,000	Khoản 1, điều 55 nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 (Phát sinh theo thực tế)
V	Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng, PCCCR				202,200,000	
1	Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn.				80,000,000	
	Chi hỗ trợ cho ban tuyên truyền (5 người x 40 buổi)	Người	200	100,000	20,000,000	(20 thôn x 2 lượt/ 1 năm)
	Chi hội trường, loa máy, nước uống phục vụ công tác tuyên truyền	Lượt	40	1,500,000	60,000,000	
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy				26,700,000	
	Hỗ trợ lực lượng Công an chủ trì, hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ (3 lớp, 1 lớp 2 người)	Lớp	3	1,000,000	3,000,000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC
	Maket hội nghị	Lớp	3	350,000	1,050,000	
	Hỗ trợ học viên tham gia lớp tập huấn Phòng cháy, chữa cháy rừng (3 lớp x 50 học viên)	người	150	75,000	11,250,000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC

	Mua bình chữa cháy tập huấn phòng cháy, chữa cháy rừng bình khí (10 bình/ 1 lớp tập huấn)	Cái	30	350,000	10,500,000	
	Văn phòng phẩm phục vụ lớp tập huấn	Lớp	3	300,000	900,000	
3	Công tác tuyên truyền				95,500,000	
	Mua biển báo cấm phá rừng, Phòng cháy chữa cháy (70x70)	Cái	60	350,000	21,000,000	
	Mua loa cầm tay	Cái	4	2,000,000	8,000,000	
	Biển báo cấm lửa hình tam giác	Cái	50	350,000	17,500,000	
	Xây dựng bảng biểu tuyên truyền bảo vệ rừng (cao 2m, rộng 2,9m; Xây phần âm khoảng 60cm)	Cái	5	9,800,000	49,000,000	
VI	Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết và công tác thi đua khen thưởng				68,514,000	
1	Chi tiền maket hội nghị triển bảo vệ rừng (triển khai, sơ kết, tổng kết)	Cái	3	350,000	1,050,000	
2	Chi bù tiền ăn cho ĐB không hưởng lương tham gia hội nghị công tác QLBV rừng (trung bình: 60 TT, BT, TBCTMT; 60 LLANCS, 20 Thôn đội)	Người	360	75,000	27,000,000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC
3	Giải khát giữa giờ	Người	360	50,000	18,000,000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC

4	Chi khen thưởng cho tập thể	Tập thể	6	1,404,000	8,424,000	Điều 54, Nghị định số 152/2025NĐ-CP ngày 14/06/2025 : hệ số 0,6 X MLCS
5	Chi khen thưởng cá nhân	Cá nhân	20	702,000	14,040,000	Điều 54, Nghị định số 152/2025NĐ-CP ngày 14/06/2025 : hệ số 0,3 X MLCS
VII	Các khoản chi khác				132,565,117	
1	Mua máy tính xách tay cho Cán bộ quản lý bảo vệ rừng	Cái	2	20,000,000	40,000,000	Theo QĐ số 15/2025/QĐ-TTg
2	Chi hỗ trợ lễ, tết cho lực lượng quản lý, tuần tra bảo vệ rừng	Người	250	200,000	50,000,000	
3	Chi phí khác				42,565,117	
	Tổng cộng:				1,548,979,117	

50,000.00

10

1000

10,000



50,000

1,548,979,117

-

	Hệ số	Chức vụ	Khu vực	Công vụ	Tổng cộng	Lương	Làm ngày Ngày
6	3.66	0.25	0.3	0.9775	5.1875	12,138,750	551,761
	3.66		0.3	0.915	4.875	11,407,500	518,523

Ước thường Giờ	Làm ngày Nghỉ, T7, CN Ngày	Giờ (200%)		Trung bình năm 500
68,970	1,103,523	137,940	192	158,907,273
64,815	129,631			694
	694.2800789			58
	129,683.00			
				158,908,025